**Phép trừ có nhớ trong phạm vi 100 ( Tiết 1) TUẦN 13**

**I. Mục tiêu:**

## \*Kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện được phép trừ có nhớ trong phạm vi 100.

- Nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ qua các trường hợp cụ thể.

- Vận dụng sơ đồ tách - gộp số để tìm kết quả, thành phần trong phép cộng, phép trừ.

- Vận dụng giải quyết vấn đề đơn giản dẫn đến phép trừ.

- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (-).

- Bước đầu làm quen cách tính nhanh.

- Ôn tập nhận dạng hình tam giác.

## \*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH; Toán học và cuộc sống

# III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 2 thẻ chục và 14 khối lập phương, bộ xếp hình

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV;2 thẻ chục và 14 khối lập phương, bộ xếp hình

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***2’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  - GV cho chơi Trò choi: ĐỐ BẠN  +GV cho 3 số bất kì  + HS dùng sơ đồ tách – gộp để viết phép tính đúng Nhóm nào đúng và nhanh nhất thì thắng cuộc.  -Vào bài mới | - HS chơi |
| **18*’* B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH:** | | |
|  | ***Hoạt động . Xây dựng biện pháp trừ có nhớ trong phạm vi 100***  -GV giới thiệu phép tính: 31 - 4 = ? | -HS quan sát , nhận biết |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | -GV giới thiệu biện pháp tính:  Để thực hiện phép trừ 31 - 4 ta có thể làm như sau:  +Đặt tính: Viết số 31 rồi viết số 4 sao cho các chữ số đơn vị thẳng cột với nhau, viết dấu trừ, kẻ vạch ngang.  +Tính từ phải sang trái.  -GV thực hiện trừ , gv giải thích : Nhớ 1, thêm 1  -Cho vài HS nêu lại cách thực hiện phép trừ như trên. | -HS đọc phép tính  -HS thực hiện tính  -HS nhắc lại |
| ***12’*** | **C.THỰC HÀNH** |  |
|  | -HS nêu yêu cầu bài tập  -HD HS thực hiện ở bảng con  -GV nhận xét. | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện  -HS khác nhận xét |
| ***3’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  -Nhắc lại cách đặt tính và tính  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS lắng nghe, thực hiện |

**Phép trừ có nhớ trong phạm vi 100 ( Tiết 2)**

**I. Mục tiêu:**

## \*Kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện được phép trừ có nhớ trong phạm vi 100.

- Nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ qua các trường hợp cụ thể.

- Vận dụng sơ đồ tách - gộp số để tìm kết quả, thành phần trong phép cộng, phép trừ.

- Vận dụng giải quyết vấn đề đơn giản dẫn đến phép trừ.

- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (-).

- Bước đầu làm quen cách tính nhanh.

- Ôn tập nhận dạng hình tam giác.

## \*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH; Toán học và cuộc sống

# II. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 2 thẻ chục và 14 khối lập phương, bộ xếp hình

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV;2 thẻ chục và 14 khối lập phương, bộ xếp hình

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***7’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  GV cho chơi Trò choi: ĐỐ BẠN  +GV cho 3 số bất kì  + HS dùng sơ đồ tách – gộp để viết phép tính đúng Nhóm nào đúng và nhanh nhất thì thắng cuộc.  -Vào bài mới | - HS chơi |
| ***25’*** | **B.LUYỆN TẬP** |  |
|  | ***Bài 1***:  -HS nêu yêu cầu bài tập  -HD HS thực hiện theo nhóm  -GV nhận xét. | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS làm việc theo nhóm đôi, nêu cách thực hiện: Bớt để được số tròn chục rồi bớt tiếp  -HS khác nhận xét |
|  | ***Bài 2***:  -HS nêu yêu cầu bài tập  -HD HS thực hiện  -Yêu cầu HS đọc các phép tính theo thứ tự thục hiện  -GV nhận xét. | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện  -HS khác nhận xét |
|  | ***Bài 3***:  - HS nêu yêu cầu bài tập  -HD HS thực hiện  -GV theo dõi  -GV yêu cầu HS đọc các phép tính theo sơ đồ tách gộp  -GV nhận xét | -HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện  -HS: đọc phép tính  -HS nhận xét |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***3’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  **-**Em học được gì sau bài học?  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS lắng nghe, thực hiện |

**Phép trừ có nhớ trong phạm vi 100 ( Tiết 3)**

**I. Mục tiêu:**

## \*Kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện được phép trừ có nhớ trong phạm vi 100.

- Nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ qua các trường hợp cụ thể.

- Vận dụng sơ đồ tách - gộp số để tìm kết quả, thành phần trong phép cộng, phép trừ.

- Vận dụng giải quyết vấn đề đơn giản dẫn đến phép trừ.

- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (-).

- Bước đầu làm quen cách tính nhanh.

- Ôn tập nhận dạng hình tam giác.

## \*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH; Toán học và cuộc sống

# III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 2 thẻ chục và 14 khối lập phương, bộ xếp hình

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV;2 thẻ chục và 14 khối lập phương, bộ xếp hình

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***7’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  GV cho chơi Trò choi: ĐỐ BẠN  +GV cho 3 số bất kì  + HS dùng sơ đồ tách – gộp để viết phép tính đúng | - HS chơi |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Nhóm nào đúng và nhanh nhất thì thắng cuộc.  -Vào bài mới |  |
| ***25’*** | **B.LUYỆN TẬP** |  |
|  | ***Bài 4***: |  |
| -HS nêu yêu cầu bài tập | - HS nêu yêu cầu bài tập. |
| -HD vận dụng sơ đồ tách gộp để tìm số thích hợp  -HS trình bày cách làm | -HS thực hiện |
| -GV nhận xét. | -HS khác nhận xét |
|  | ***Bài 5***:  -HS nêu yêu cầu bài tập  - HD HS “tính rồi so sánh với 50” để vớt cá.  -GV nhận xét. | - HS nêu yêu cầu bài tập. |
| - HS thảo luận nhóm đôi để làm |
| bài |
| -HS trình bày |
| -HS nhận xét |
|  | ***Bài 6***: |  |
| -HS nêu yêu cầu bài tập | - HS nêu yêu cầu bài tập. |
| -HD HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: giải bài toán.  -HS trình bày cách làm  -GV nhận xét. | -HS thực hiện cá nhân  -HS khác nhận xét |
|  | ***Bài 7***: |  |
| -HS nêu yêu cầu bài tập | - HS nêu yêu cầu bài tập. |
| -HD HS xếp hình con cá  -HS trình bày cách làm  -GV nhận xét. | -HS thực hiện; HS gọi tên các hình đã dùng để xếp con cá |
|  | -HS khác nhận xét |
| ***3’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  **-**GV đọc phép tính, HS thực hiện trên bảng con. Ví dụ: 38 + 29; 75 + 8;....  **-**Em học được gì sau bài học?  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS lắng nghe, thực hiện |

**Em làm được những gì? (Tiết 1)**

**I. Mục tiêu:**

*\*Kiến thức, kĩ năng:*

- Tính nhẫm: cộng, trừ nhẩm các số trong phạm vi 20 và các số tròn chục.

- Thực hiện các phép cộng, trừ (không nhớ, có nhớ trong phạm vi 100).

- Tínl toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).

- Vận dụng sơ đồ tách - gộp số để tìm kết quả và tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ.

- Giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến độ dài và thời gian (đo độ dài, cộng trà các số đo độ dài với đơn vị đo xăng-ti-mét; xem lịch, xem đồng hồ).

## \*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH

# II. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***2’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  - GV cho HS bắt bài hát  -Vào bài mới | - HS hát  ***-***HS lắng nghe |
| ***30’*** | **C.LUYỆN TẬP** |  |
|  | ***Bài 1***:  -HS nêu yêu cầu bài tập  -HS làm việc theo nhóm đôi  -GV Hệ thống lại cách cộng, trừ qua 10 trong phạm vi 20: Làm cho đủ chục rồi cộng với số còn lại; Trừ để được 10 rồi trừu số còn lại | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện theo nhóm  -HS khác nhận xét |
|  | -GV nhận xét |  |
|  | ***Bài 2***:  -HS nêu yêu cầu bài tập  -HD HS Chưa thực hiện phép tính, xác định các phép tính có nhớ. ;Đặt tính rồi tính vào bảng con  -GV nhận xét. | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện:làm bài cá nhân, rồi chia sẻ với bạn  -HS khác nhận xét |
|  | ***Bài 3***:  -HS nêu yêu cầu bài tập  -HD HS vận dụng sơ đồ tách gộp để tìm thành phần trong phép trừ  -GV theo dõi  -GV nhận xét, củng cố | -HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS làm bài cá nhân  -HS khác nhận xét |
| ***3’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS lắng nghe, thực hiện |

**Em làm được những gì? (Tiết 2)**

# I. Mục tiêu:

## \*Kiến thức, kĩ năng:

- Tính nhẫm: cộng, trừ nhẩm các số trong phạm vi 20 và các số tròn chục.

- Thực hiện các phép cộng, trừ (không nhớ, có nhớ trong phạm vi 100).

- Tínl toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).

- Vận dụng sơ đồ tách - gộp số để tìm kết quả và tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ.

- Giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến độ dài và thời gian (đo độ dài, cộng trà các số đo độ dài với đơn vị đo xăng-ti-mét; xem lịch, xem đồng hồ).

## \*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH

# III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***2’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  - GV cho HS bắt bài hát  -Vào bài mới | - HS hát  ***-***HS lắng nghe |
| ***30’*** | **C.LUYỆN TẬP** |  |
|  | ***Bài 4***:  -HS nêu yêu cầu bài tập  -HD HS xác định số trên mỗi cái túi (dựa vào tia số), mỗi bạn nhỏ cầm một bài toán, kết quả của bài toán chính là số trên túi.  -GV theo dõi  -GV nhận xét, củng cố | -HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS làm bài cá nhân  -HS khác nhận xét |
|  | **Vui học**  -Yêu cầu HS thảo luận để xác định các yêu cầu: đo, tính, so sánh.  -HS làm bài cá nhân  -GV nhận xét sửa chữa:  a) Quãng đường Sên Xanh đi dài 10 cm.  Sên Đỏ đi được 14 cm (vì Sên Đỏ đi được hai quãng đường dài 8 cm và 6 cm, HS có thể đo nối tiếp hai đoạn đường, cũng có thể đo từmg đoạn rồi cộng).  b) Quãng đường Sên Xanh đi ngắn hơn quãng đường Sên Đỏ đi là:  14-10 = 4 (cm)  Đáp số: 4 cm. | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS xác định cái đã cho (bằng cách đo rồi tính đoạn đường đi của từng bạn sên) và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: giải bài toán. |
|  | ***Bài 5***:  -HS nêu yêu cầu bài tập  -HD HS xem lịch, xem đồng hồ  -GV theodõi , hướng dẫn  -GV nhận xét, củng cố | -HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện: đọc ngày tháng, đọc giờ và nói kết quả cho bạn nghe trong nhóm đôi  -HS khác nhận xét |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  | **Đất nước em**  GV giúp HS xác định vị trí Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Quảng Ngãi trên bản đồ (SGKtrang 130) | -HS lắng nghe  -HS xác định |
| ***3’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS lắng nghe, thực hiện |

**Em làm được những gì? (Tiết 1)**

**I. Mục tiêu:**

*\*Kiến thức, kĩ năng:*

- Củng cố các kiến thức, kĩ năng về số và phép tính.

• Thứ tự các số; sử dụng các thuật ngữ số liền trước, số liền sau để diễn tả số.

• GQVĐ đơn giản liên quan đến quan hệ thứ tự của số.

• Cấu tạo số troing phạm vi 100 và các phép tính có liên quan.

• Tính nhẫm, tính viết trong phạm vi 100.

• Cộng trừ qua 10 trong phạm vi 20.

• Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.

- Củng cố các kiến thức, kĩ năng về hình học và đo lường.

• Thực hành xếp hình.

• GQVĐ đơn giản liên quan đến đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc. GQVĐ đơn giản liên quan đến độ dài.

## \*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH

# II. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***2’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  - GV cho HS bắt bài hát  -Vào bài mới | - HS hát  ***-***HS lắng nghe |
| ***30’*** | **C.LUYỆN TẬP** |  |
|  | ***Bài 1***:  -HS nêu yêu cầu bài tập | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện theo nhóm đôi |
|  | -HD HS tìm hiểu từng câu, thực hiện rồi trình bày.  a) Với mỗi số đều có thể nói theo hai cách: liền trước, liền san.  b) ? có thể là 19 hoặc 20.  c) - Nhiều hơn 18 nhưng ít hơn 21 cái thì có thể là 19 hay 20 cái.  - Số bút chì không là 20 vì 20 là số liền trước của 21.  - Vậy số bút chì của mèo con là 19.  -GV nhận xét Thư giãn  GV đọc bài thơ Mèo con đi học. | -HS khác nhận xét  -HS nghe bài thơ: Mèo con đi học |
|  | ***Bài 2***:  -HS nêu yêu cầu bài tập  --HD HS thực hiện ở bảng con  -GV nhận xét. | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện  -HS khác nhận xét |
|  | ***Bài 3***:  -HS nêu yêu cầu bài tập  -HD HS thực hiện ở bảng con  -GV nhận xét, lưu ý cách đặt tính đúng | -HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện  -HS khác nhận xét |
|  | ***Bài 4***:  -HS nêu yêu cầu bài tập  -HD HS *Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại.*  *Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại.*  -GV hỏi kết quả, cách tính  -GV nhận xét sữa chữa | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS trả lời nhanh  -HS khác nhận xét |
| ***3’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS lắng nghe, thực hiện |

**Em làm được những gì? (Tiết 2)**

**I. Mục tiêu:**

*\*Kiến thức, kĩ năng:*

- Củng cố các kiến thức, kĩ năng về số và phép tính.

• Thứ tự các số; sử dụng các thuật ngữ số liền trước, số liền sau để diễn tả số.

• GQVĐ đơn giản liên quan đến quan hệ thứ tự của số.

• Cấu tạo số troing phạm vi 100 và các phép tính có liên quan.

• Tính nhẫm, tính viết trong phạm vi 100.

• Cộng trừ qua 10 trong phạm vi 20.

• Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.

- Củng cố các kiến thức, kĩ năng về hình học và đo lường.

• Thực hành xếp hình.

• GQVĐ đơn giản liên quan đến đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc. GQVĐ đơn giản liên quan đến độ dài.

## \*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH

# III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***2’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  - GV cho HS bắt bài hát  -Vào bài mới | - HS hát  ***-***HS lắng nghe |
| ***30’*** | **C.LUYỆN TẬP** |  |
|  | ***Bài 5***:  -HS nêu yêu cầu bài tập  -HD HS áp đụng cộng, trừ qua 10 trong phạm vi 20 để giải quyết  -GV nhận xét. | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện  -HS khác nhận xét |
|  | ***Bài 6***:  -HS nêu yêu cầu bài tập | -HS nêu yêu cầu bài tập. |
|  | -GV dùng hình minh họa làm mẫu  -HD HS vận dụng cộng, trừ trong phạm vi 20 để làm  -GV nhận xét | -HS thực hiện  -HS khác nhận xét |
|  | ***Bài 7***:  -HS nêu yêu cầu bài tập  -HD HS thực hành xếp hình.  -GV nhận xét | -HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện theo nhóm đôi  -HS khác nhận xét |
|  | ***Bài 8***:  -HS nêu yêu cầu bài tập  -HD HS nhóm đôi quan sát hình ảnh, nhận biết đườg đi của mỗi bạn.  - Thực hiện từng câu.  a) Sai (chỉ có hai đường gấp khúc).  b) Đúng (3 crn + 5 cm + 3 cm = 11 cm). ’  c) Sai (10 cm + 2 cm = 12 cm).  d) Đúng (10 cm = 1 dm).  -GV nhận xétt | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện theo nhóm đôi  -HS khác nhận xét |
| ***3’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS lắng nghe, thực hiện |

**Em làm được những gì? (Tiết 3)**

**I. Mục tiêu:**

**\*Kiến thức, kĩ năng:**

- Củng cố các kiến thức, kĩ năng về số và phép tính.

• Thứ tự các số; sử dụng các thuật ngữ số liền trước, số liền sau để diễn tả số.

• GQVĐ đơn giản liên quan đến quan hệ thứ tự của số.

• Cấu tạo số troing phạm vi 100 và các phép tính có liên quan.

• Tính nhẫm, tính viết trong phạm vi 100.

• Cộng trừ qua 10 trong phạm vi 20.

• Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.

- Củng cố các kiến thức, kĩ năng về hình học và đo lường.

• Thực hành xếp hình.

• GQVĐ đơn giản liên quan đến đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc. GQVĐ đơn giản liên quan đến độ dài.

## \*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH

# II. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***2’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  - GV cho HS bắt bài hát  -Vào bài mới | - HS hát  ***-***HS lắng nghe |
| ***30’*** | **C.LUYỆN TẬP** |  |
|  | ***Bài 9***:  -HS nêu yêu cầu bài tập  Tìm hiểu bài, nhóm đôi tập nói tóm tắt ngắn gọn.  Hôm qua: 9 ngôi sao. Hôm nay: 8 ngôi sao.  Cả hai ngày: ... ngôi sao?  Trình bày bài giải.  -GV nhận xét, sửa chữa  **\*Vui học:**  **-**Tìm hiểu bài:  - Tìm chiều cao mỗi bạn.  - Trong ba bạn, có ai đã biết chiều cao? (Cà Tím 15 cm).  - Tìm chiều cao hai bạn còn lại theo Cà Tím. GV hướng dẫn:  • Cà Tím thấp hơn Ngô (Bắp) 3 cm tức là Ngô cao hơn Cà Tím 3 cm. | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện  Bài giải  Số ngôi sao Mai gấp cả hai ngày: 6 + 8 = 17 (ngôi sao)  Đáp số: 17 ngôi sao.  -HS khác nhận xét  -HS tìm hiểu  -HS trả lời |
|  | • Cà Tím cao hơn Cà Chua 9cm tức là Cà Chua thấp hơn Cà Tím 9 cm.  **\*Khám phá**  - HD HS tìm hiểu bài, giải thích từng bức tranh.  Miệng bình nhỏ, đầu quạ không chui vào được để uống nước.  Quạ thả sỏi vào bình. Quạ uống nước.  - Các nhóm giải thích tại sao quạ uống được nước.  - GV có thể liên hệ thực tế: Khi pha nước chanh  đá, người ta cho vào li: nước lọc, đường, chanh sao cho chỉ chiếm khoảng nửa li, tại sao vậy? (Vì khi cho nước đả vào, nước trong li dâng lên đầy li).  \***Thử thách**  - HD HS nhóm sáu tim hiểu bài, các em có thể viết các phép tính minh hoạ.  - Các nhóm trình bày, có thể có nhiều cách giải thích:  Đếm thêm 3: 2,5,8,11, 14,17.  Vào thứ Bảy, cây cao 17 dm.  - Có bạn nào cao 17 dm?  **\*Đất nước em**  - Hd HS quan sát ảnh ruộng bậc thang.  - GV giới thiệu đôi nét về ruộng bậc thang và vẻ đẹp của nó.  - HS nhận biết hình ảnh các đường cong trong  ảnh.  - HD HS tìm vị trí tỉnh Yên Bái trên *bản* đồ  -GV nhận xét. | - HS nhóm bốn tim hiểu bài, giải thích từng bức tranh.  -HS trả lời***:***Thả sỏi vào, nước dâng lên (lượng nước vẫn thế, sức chứa ít đi).  -HS nhận biết  - HS nhóm sáu tìm hiểu bài, viết các phép tính minh hoạ.  2 + 3 = 5  5 + 3 = 8  ………….. 14 + 3 = 17  -HS quan sát ảnh ruộng bậc thang.  -HS chỉ các đường cong trong ảnh  -HS tìm vị trí tỉnh Yên Bái trên  *bản* đồ |
| ***3’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS lắng nghe, thực hiện |

**NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (Tiết 2)**

**I. Mục tiêu:**

## \*Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.

- Vận dụng GQVĐ liên quan:

- Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

## \*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

# III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***3’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  -GV cho HS bắt bài hát  -Ổn định , vào bài | ***-*** HS hát |
| ***20’* B.LUYỆN TẬP :** | | |
|  | ***Hoạt động: Luyện tập*** |  |
| *\*Bài 1:*  *-*Nêu yêu cầu bài tập  - HS nhóm đôi nhận biết đây là bài toán tìm phần chênh lệch.  (GV có thể sử dụng phương pháp mảnh ghép để tổ chức cho HS luyện tập câu a và câu b.)  **-**GV có thể khuyến khích nhiều nhóm HS nói.  Mở rộng: cách nói về tuổi, có thể dùng từ “lớn hơn... | -HS nêu yêu cầu bài tập  -HS làm việc theo nhóm  -HS trả lời |
| tuổi” hoặc “nhỏ / bé hơn ... tuổi”. |  |
| - GV nhận xét, củng cố |  |
|  | **Bài 2:** |  |
| -HS thảo luận, nhận biết các nhiệm vụ cần làm: cách phổ biến nhất là đo từng băng giấy rồi làm tính trừ (10 cm - 6 cm = 4 cm).  -Khi các nhóm trình bày, GV giúp đỡ các em giải | - HS nêu yêu cầu bài tập. |
| thích từng bước làm.  -Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tim phần chênh lệch. | -HS thực hiện |
| -GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”. |  |
| Ví dụ:  - GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.  HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp | -HS khác nhận xét, bổ sung. |
| đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói: HS 1. Báiih nhiều hơn kẹo 7 cái.  HS 2: Kẹo ít hơn bánh 7 cái |  |
| ***12’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  - GV: Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tim phần chêiìh lệch.  - GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”. Ví dụ:  GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.  HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói: | -HS chơi trò chơi  -HS trả lời, thực hiện |
|  | HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.  -GV nhận xét, tuyên dương |  |

**Em làm được những gì? ( Tiết 1)**

**I. Mục tiêu:**

## \*Kiến thức, kĩ năng:

- Ôn tập: tên gọi các thành phần của phép tính cộng và phép tính trừ.

- Củng cố ý nghĩa của phép cộng, phép trừ: Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn đến phép cộng, phép trừ.

- Sử dụng sơ đồ tách - gộp số để nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).

- Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.

## \*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: Toán học và cuộc sống; TN & XH

# II. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***8’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  -Trò chơi: ĐỐ BẠN  +GV: Tám mươi bảy gồm mấy chục và mấy đơn vị?  +Cả lớp: 87 gồm 8 chục và 7 đơn vị hay 80 và 7.  +GV: Gộp 80 và 7 được số nào?  +Cả lớp: Gộp 80 và 7 được 87.  -Sau đó HS chơi theo nhóm đôi hoặc chơi theo đội. | -HS chơi |
|  | -GV vào bài |  |
| ***22’*** | **B.LUYỆN TẬP :** |  |
|  | ***Hoạt động: Luyện tập***  ***Bài 1:***  -Nhóm hai HS tìm hiểu bài, nhận biêt  • Yêu cầu của bài: số?.  • Tìm quy luật dãy số (câu a: thêm 1; câu b: thêm 2; câu c: thêm 10).  - Khi sửa bài, khuyến khích HS giải **thích** tại sao điền như vậy.  Ví dụ:  a) Em đếm thêm 1.  b) Em đếm thêm 2.  c) Em đếm thêm 10.  - GV nhận xét, củng cố | -HS nêu yêu cầu bài tập  -HS làm ở bảng con  -HS trả lời |
| ***’*** | **Bài 2:** |  |
|  | - HS nhóm đôi tìm hiểu mẫu, nhận biết yêu cầu rồi thực hiện.  • Phân tích cấu tạo số: 73 gồm 70 và 3.  • Viết bổn pliép tính với ba số: 73; 70 và 3.  - Sửa bài, khuyến khích HS phân tích cấu tạo số.  Mở rộng: Với ba số mà ta có thể viết thành phép cộng hay phép trừ, người ta gọi đó là các số gia đình | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS trả lời |
|  | -HS nêu  -G nhận xét | -HS khác nhận xét, bổ sung. |
|  | **Bài 3:**  -Nêu yêu cầu bài tập  -HD HS thực hiện 34 + 52 = 86 | - HS nêu yêu cầu bài tập. |
| 34 là số hạng  52 là số hạng | -HS làm bài |
| 86 là tổng  -HS nhóm đôi che từng số trong sơ đồ tách- gộp rồi |  |
| đọc phép tính để tìm số bị chia.  -HS thay ? bằng phép tính thích hợp  -GV nhận xét ,bổ sung | -HS khác nhận xét, bổ sung. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Bài 4:**  - HS tìm **hiểu** bài, **nhận biết:** đặt tính rồi tính  - HS **thực hiện** (bảng con).  - Sửa bài.  • HS **làm** tiên bảng lớp (Mỗi HS làm một phép tính).  \* Lưu ý HS đặt đúng phép tính 8 + 41  -GV nhận xét ,bổ sung | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS làm bài  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
| ***5’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS trả lời, thực hiện |